

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST

Ngày: 12-3-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ

2. Bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2020/TLST - KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đ).

Địa chỉ trụ sở: Số 35 phố H, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ chi nhánh N (theo văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22-8-2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu P - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Đ chi nhánh N (theo văn bản ủy quyền số 366/QĐ-BIDV ngày 31-12-2020 của Giám đốc Ngân hàng Đ chi nhánh N).

- Bị đơn:

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Số nhà 05/83 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Số nhà 05/83 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T là chị Trần Thị Thu H (theo văn bản ủy quyền ngày 25-11-2020).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Số nhà 05/83 đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L là chị Trần Thị Thu H (theo văn bản ủy quyền ngày 19-12-2020).

Tại phiên tòa: Ông P, chị H có mặt. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu P trình bày:

* Về Hợp đồng tín dụng: Ngày 01-3-2019 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đ) chi nhánh N cùng với chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2019/337315/HĐTD. Trong hợp đồng có nội dung cơ bản như sau: Ngân hàng cho chị H và anh T vay số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng; lãi suất trong hạn 9,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn vay là 11 tháng, ngày giải ngân là ngày 01-3-2019 ngày đáo hạn là ngày 01-02-2020 (vì vào ngày nghỉ nên chuyển sang là ngày 03-02-2020), không có thời gian ân hạn; lịch thanh toán tiền gốc, tiền lãi và các điều khoản khác. Về việc giải ngân cho khách hàng: Cùng ngày ký hợp đồng tín dụng bên vay đã rút vốn vay với số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng để thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản số 48610000037647 của chị Đặng Ngọc Tr theo ủy nhiệm chi số 0104.

* Biện pháp bảo đảm khoản vay: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: số 5/83 đường T, phường C, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ436185 do UBND thành phố N cấp ngày 07-9-2004 cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L. Ngày 25-4-2017, Ngân hàng Đ đã cùng bên thế chấp là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L cùng bên được đảm bảo là chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T ký hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9684903/HĐBĐ, lập

biên bản định giá tài sản thế chấp và làm thủ tục đăng ký tài sản thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/9684903/HĐBĐ ngày 25-4-2017 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2018/9684903/SĐBS ngày 27-3-2018; biên bản định giá tài sản và đơn yêu cầu đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất).

* Quá trình trả gốc, lãi và vi phạm của bị đơn:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đã vi phạm Điều 9 phần Điều khoản và điều kiện vay đính kèm theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/337315/HĐTD ngày 01-3-2019. Cụ thể:

- Vi phạm trả tiền gốc: Trong hợp đồng tín dụng có quy định: ngày đến hạn trả nợ gốc cuối cùng là ngày 03-02-2020, tuy nhiên đến ngày này bên vay không trả được nợ gốc vì vậy nợ gốc đã bị chuyển sang là nợ quá hạn. Sau khi nợ gốc chuyển sang là nợ quá hạn thì từ ngày 15-5-2020 đến 28-9-2020 bên vay mới trả được 115.000.000 đồng nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 785.000.000 đồng đến nay bên vay vẫn chưa trả cho Ngân hàng.

- Vi phạm trả tiền lãi: Đối với số tiền lãi trong hạn là 81.917.260 đồng, trong hợp đồng tín dụng có quy định: ngày đến hạn trả nợ lãi cuối cùng là ngày 03-02-2020 cùng với ngày đến hạn trả nợ gốc nhưng từ 01-3-2019 đến 20-01-2020 bên vay mới trả được 78.534.247 đồng, vì vậy tiền lãi trong hạn còn nợ lại là 3.383.013 đồng. Nợ lãi quá hạn từ 03-02-2020 đến nay bên vay vẫn chưa trả được.

Ngân hàng Đ đã nhiều lần gửi thông báo cho chị Trần Thị Thu H cùng anh Nguyễn Văn T và bên có tài sản đảm bảo là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L về các khoản nợ phải trả, làm việc với chị Trần Thị Thu H để bàn biện pháp trả nợ. Theo biên bản làm việc ngày 18-5-2020, chị Trần Thị Thu H cam kết thanh toán toàn bộ số nợ còn lại trước ngày 30-10-2020. Ngân hàng đề nghị khách hàng trả nợ gốc, lãi, phí phạt trong thời gian sớm nhất. Tuy nhiên, đến nay chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T vẫn không trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ cho Ngân hàng vì thế Ngân hàng khởi kiện bên vay ra Tòa án.

* Quan điểm của nguyên đơn: Ngân hàng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 12-3-2021 (là ngày xét xử sơ thẩm) tổng cộng là 924.333.849 đồng (Trong đó: nợ gốc là 785.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.383.013 đồng, lãi quá hạn là 135.950.836 đồng). Đồng thời, buộc chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T phải trả lãi, lãi phạt phát sinh kể từ ngày 13-3-2021 cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Trong trường hợp chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho các khoản vay của chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số

tiền thu được từ việc phát mại tài sản sẽ dùng để thanh toán toàn bộ chi phí bảo quản, xử lý tài sản thế chấp và các chi phí cần thiết khác có liên quan đến xử lý tài sản; thanh toán nợ gốc, lãi vay, lãi phạt, phí phát sinh cho đến ngày thi hành án xong cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp (tài sản bảo đảm cho khoản vay) không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tiếp tục phải dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền định đoạt của mình để thanh toán số tiền vay còn lại sau khi đã phát mại tài sản bảo đảm.

2. Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L là chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị xác nhận nội dung hợp đồng tín dụng vay vốn số 01/2019/337315/HĐTD mà chị và anh T đã ký kết với Ngân hàng Đ chi nhánh N, số tiền gốc, lãi còn nợ cũng như quá trình vi phạm hợp đồng như đại diện Ngân hàng đã trình bày ở trên là đúng. Chị đã dùng số tiền 900.000.000 đồng Ngân hàng Đ giải ngân để thanh toán tiền mua hàng cho chị Đặng Thị Ngọc Tr. Nội dung hợp đồng thế chấp, thủ tục thế chấp tài sản của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L đảm bảo cho khoản vay của chị như đại diện Ngân hàng đã trình bày ở trên là đúng. Tất cả chữ ký trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp là đúng và chính xác của gia đình chị. Chị xác nhận sau khi số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng bị Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn thì chị mới trả được 115.000.000 đồng, còn lại 785.000.000 đồng nợ gốc đến nay chị vẫn chưa trả được cho Ngân hàng. Đối với lãi trong hạn chị mới trả được 78.534.247 đồng, vì vậy tiền lãi trong hạn còn nợ lại là 3.383.013 đồng. Nợ lãi quá hạn từ 03-02-2020 đến nay chị vẫn chưa trả được. Chị xác nhận: Dư nợ gốc, lãi cộng dồn của chị và anh T tính đến hết ngày 12-3-2021 tổng cộng là 924.333.849 đồng (Trong đó: nợ gốc là 785.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.383.013 đồng và lãi quá hạn là: 135.950.836 đồng) như phía đại diện Ngân hàng Đ trình bày là đúng.

Đối với thỏa thuận một mình trả nợ Ngân hàng giữa chị với anh T: Trước khi làm thủ tục ly hôn vợ chồng chị đã thỏa thuận và thống nhất với nhau trách nhiệm trả nợ Ngân hàng sẽ thuộc về một mình chị. Sau đó vào tháng 11-2020, chị và anh T đã được Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Khi thỏa thuận trách nhiệm trả nợ và khi giải quyết ly hôn với anh T tại Tòa án chị cũng không thông báo cho Ngân hàng Đ biết về việc này. Chị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Đ.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bố mẹ chị, hiện tại không có tranh chấp với ai, từ khi thế chấp cho Ngân hàng đến nay không có sự chuyển nhượng, tặng cho ai cũng như không xây mới, sửa chữa, cơi nới gì thêm, vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi Ngân hàng tiến hành xem xét thẩm định và định giá để thế chấp.

3 Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có lời khai: Anh xác nhận nội dung hợp đồng tín dụng số 01/2019/337315/HĐTD mà anh và chị H ký kết với Ngân hàng Đ và tài sản bảo đảm cho khoản vay như đại diện Ngân hàng và chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, thời điểm ký hợp đồng tín dụng do có mâu thuẫn nên anh và chị H đã

sống ly thân nhưng theo yêu cầu của Ngân hàng chị H có nhờ anh về ký vào hợp đồng tín dụng để chị H vay tiền. Để tạo điều kiện cho chị H vay được vốn để kinh doanh nên anh đã đồng ý. Sau khi ký hợp đồng tín dụng chị H nhận số tiền Ngân hàng giải ngân và hoàn toàn tự mình sử dụng khoản vay đồng thời tự thanh toán như thế nào anh không được biết gì. Đến tháng 11-2020 anh và chị H đã được Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết cho ly hôn. Khi ly hôn anh và chị H đã lập biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản và công nợ trước khi ly hôn trong đó chị H đã nhận trách nhiệm tự mình trả nợ các khoản đã vay của Ngân hàng. Nay Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu anh và chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng các khoản nợ gốc, lãi, lãi phạt tạm tính đến hết ngày 28-9-2020 là 872.168.986 đồng. Quan điểm của anh là sẽ thực hiện theo thỏa thuận của anh và chị H, chị H phải có trách nhiệm một mình trả nợ cho Ngân hàng vì không liên quan gì đến anh.

4. Ngày 31-12-2020, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: 5/83 đường T, phường C, thành phố N theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm xem xét, thẩm định cùng lời khai của các đương sự và cung cấp của chính quyền địa phương, tài sản thế chấp không có tranh chấp với ai, từ khi thế chấp cho Ngân hàng đến nay không có sự chuyển nhượng, tặng cho ai cũng như không xây mới, sửa chữa, coi nói gì thêm, vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi Ngân hàng tiến hành thẩm định và định giá.

* Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị xác nhận số liệu Ngân hàng Đ tính đến hết ngày 12-3-2021 chị còn nợ Ngân hàng tổng cộng 924.333.849 đồng là đúng. Chị sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng nhưng hiện tại do kinh doanh khó khăn, chưa có nguồn thu để trả nợ nên chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho chị thanh toán dần số nợ này cho Ngân hàng.

Đại diện Ngân hàng Đ trình bày:

+ Để tạo điều kiện cho phía bị đơn có khả năng trả nợ Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu phía bị đơn phải trả khoản lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng.

+ Đối với việc anh T và chị H có thỏa thuận với nhau về việc một mình chị H trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng không đồng ý, vì đây là khoản nợ chung của chị H và anh T vay trong thời kỳ hôn nhân. Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn kéo dài thời gian vì vậy Ngân hàng không đồng ý và yêu cầu cả chị H và anh T phải cùng trả nợ như đã trình bày ở trên. Nếu phía bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ khoản vay theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N trình bày quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã xác định đúng quan hệ pháp luật được giải quyết trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về số tiền còn nợ: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã được các bên ký kết, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 403, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 12-3-2021 tổng cộng là 924.333.849 đồng (Trong đó: nợ gốc là 785.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.383.013 đồng, lãi quá hạn là 135.950.836 đồng) cho Ngân hàng Đ. Buộc chị và anh T phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13-3-2021 cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

+ Về việc xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì căn cứ hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 118, Điều 119 Luật Nhà ở năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ và Điều 9 phần Điều khoản và điều kiện đính kèm theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của Ngân hàng Đ. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả toàn bộ khoản nợ thì chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng Đ.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng Đ được trả lại toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của Ngân hàng Đ được chấp nhận nên chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/337315/HĐTD ngày 01-3-2019 được ký kết giữa Ngân hàng Đ với chị

Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T là giữa tổ chức và cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 10 của hợp đồng tín dụng các bên đều thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết tranh chấp, do vậy Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt tại phiên tòa của đương sự: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 01-3-2019 giữa Ngân hàng Đ với chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đã ký hợp đồng tín dụng 01/2019/337315/HĐTD có nội dung cơ bản như sau: Ngân hàng cho chị H và anh T vay số tiền 900.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng; lãi suất trong hạn 9.8%/năm; lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn vay 11 tháng, ngày giải ngân là 01-3-2019, ngày đáo hạn là ngày 01-02-2020 (vì vào ngày nghỉ nên chuyển sang là ngày 03-02-2020), không có thời gian ân hạn; lịch thanh toán gốc, lãi và các điều khoản quy định khác. Xét thấy hợp đồng tín dụng do người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Đ ký kết với chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T, được lập thành văn bản, được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện ký kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 403 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy hợp đồng tín dụng được các bên giao kết hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

[2.2] Về thỏa thuận một mình trả nợ Ngân hàng Đ giữa chị H với anh T:

Đối với thỏa thuận này của phía bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vào ngày 01-3-2019, đến ngày 10-11-2020 anh chị mới được Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn như vậy hợp đồng tín dụng được phía bị đơn tự nguyện ký kết khi vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân. Tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng có ghi rõ: Số tiền rút vốn là 900.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng cho chị Đặng Ngọc Tr có số tài khoản là 48610000037647, phù hợp với ủy nhiệm chi số 0104 ngày 01-3-2019, điều đó thể hiện anh T có biết chị H vay vốn vào mục đích gì và thanh toán cho ai. Mặt khác, trong quá trình ly hôn cả anh T và chị H đều không thông báo cho Ngân hàng việc ly hôn cũng như việc thỏa thuận trả nợ của mình, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Ngân hàng cũng không chấp nhận thỏa thuận này. Như vậy việc thỏa thuận một mình trả nợ Ngân hàng của chị H với anh T đã làm ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng của bên vay, vi phạm điều cấm

của pháp luật và quy định tại Điều 7 phần Điều khoản và điều kiện vay đính kèm theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/337315/HĐTD ngày 01-3-2019 nên thỏa thuận này không có giá trị đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ. Vì vậy, căn cứ Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 117, Điều 401, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7 phần Điều khoản và điều kiện vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ chung của chị H và anh T đối với Ngân hàng Đ.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được các đương sự xác nhận trong quá trình tố tụng: Đối với nợ gốc: Từ ngày 03-02-2020 nợ gốc đã bị chuyển sang là nợ quá hạn. Đến nay, số tiền 785.000.000 đồng nợ gốc còn lại bên vay vẫn chưa trả được cho Ngân hàng. Đối với nợ lãi: Đến nay tiền lãi trong hạn còn nợ là 3.383.013 đồng. Nợ lãi quá hạn từ 03-02-2020 đến nay bên vay vẫn chưa trả được đồng nào. Như vậy, chị H và anh T đã vi phạm quy định tại Điều 9 phần Điều khoản và điều kiện đính kèm theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ quy định trong hợp đồng tín dụng; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc yêu cầu chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 12-3-2020 là: 924.333.849 đồng (Trong đó, nợ gốc: 785.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.383.013 đồng, lãi quá hạn: 135.950.836 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 13-3-2021), chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng Đ.

Do Ngân hàng Đ tự nguyện không yêu cầu phía bị đơn phải trả khoản lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản đảm bảo:

Tài sản thế chấp của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ436185 ngày 07-9-2004 nên đủ điều kiện thế chấp theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp, phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện ký kết, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất thành phố N ngày 25-4-2017. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; điểm a mục 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ; các Điều 117, Điều 119, Điều 295, Điều 298, Điều 385, Điều 398 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy, những hợp đồng này là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Do đó, trong trường hợp chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì căn cứ quy định tại hợp

đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả toàn bộ khoản nợ thì chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng Đ cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp Ngân hàng Đ đã tự nguyện nộp đủ nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Do Ngân hàng Đ được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng. Cụ thể: $36.000.000 + (924.333.849 - 800.000.000) \times 3\% = 36.000.000 + 3.730.000 = 39.730.000$ đồng (đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 295, Điều 299, Điều 317, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 403, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 118 Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ:

- Buộc chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 12-3-2021 như sau:

- + Tiền nợ gốc là 785.000.000 đồng
- + Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 3.383.000 đồng
- + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 135.950.000 đồng

Tổng cộng là 924.333.000 (Chín trăm hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 13-3-2021), chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2019/337315/HĐTD ngày 01-3-2019 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (tài sản bảo đảm cho khoản vay) là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: 5/83 T, phường C, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ436185 do UBND thành phố N cấp ngày 07-9-2004 cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L theo nội dung chi tiết tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2017/9684903/HĐBĐ ngày 25-4-2017, phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/9684903/SĐBS ngày 27-3-2018 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 19.000.000 (Mười chín triệu) đồng đã nộp tại biên lai số 0003313 ngày 29-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí là 39.730.000 (Ba mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chị Trần Thị Thu H, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng